TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Triệu Khánh Long
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Minh Tuấn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017 về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45A/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã Vĩnh T, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã Vĩnh T, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hoàng T trình bày:

Vào năm 1996, ông với bà Nguyễn Thị K được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, ông với bà K cùng sống chung ấp H, xã Vĩnh T, thị xã C, tỉnh Sóc trăng. Trong quá trình chung sống, giữa ông với bà K có với nhau hai đứa con chung tên Lê Thị Xuân M, giới tính: Nữ, sinh năm 1997 và Lê Gia K, giới tính: Nam, sinh ngày 10/02/2003, hiện nay cháu K đang sống chung với ông.

Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn với nhau ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do bà K sống không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay bà K không có mặt tại địa phương và bỏ đi đâu thì ông không biết. Nay ông cảm thấy giữa ông với bà K không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa ông với bà Nguyễn Thị K là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đứa con tên Lê Gia K, giới tính: Nam, sinh ngày 10/02/2003 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu K mà ông không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với người con tên Lê Thị Xuân M đã trưởng thành nên tùy con muốn sống với ông hay bà K thì tùy ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử bà K đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản lấy lời khai đương sự và quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Hoàng T với bà Nguyễn Thị K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa ông T còn cho rằng bà K sống không chung thủy. Mặt khác, giữa ông T với bà K sống chung với nhau từ năm 1996 cho đến nay vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và hiện nay giữa ông T với bà K không còn chung sống với nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố mối quan hệ sống chung giữa ông Lê Hoàng T với bà Nguyễn Thị K không phải là quan hệ vợ chồng, các mối quan hệ còn lại giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi Toà án tiến hành thụ lý vụ án về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" của ông Lê Hoàng T theo thủ tục chung, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết để có ý kiến, nhưng bị đơn không có ý kiến, Toà án đã tiến hành thông báo cho bị đơn hai lần đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên việc hoà giải không tiến hành được. Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Kiều.

Về nội dụng vụ án:

- Xét "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" của ông Lê Hoàng T:

Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa ông Lê Hoàng T và bà Nguyễn Thị K là loại kiện hôn nhân và gia đình, ông T và bà K cưới và chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý" và tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định "nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Như vậy, hôn nhân giữa ông Lê Hoàng T với bà Nguyễn Thị K không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại phiên toà, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" với bà K. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa ông Lê Hoàng T với bà Nguyễn Thị K là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Lê Gia K, giới tính: Nam, sinh ngày 10/02/2003 được sống với ông T khi Tòa án tuyên bố quan hệ chung sống giữa ông T và bà K không phải là quan hệ vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà Nguyễn Thị K, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lê Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung của ông Lê Hoàng T và bà Nguyễn Thị K không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông Lê Hoàng T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Gia K, giới tính: Nam, sinh ngày 10/02/2003 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu K. Đối với cháu Lê Thị Xuân M, giới tính: Nữ, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét việc nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày là tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Lê Hoàng T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005594, ngày 03 tháng 7 năm

2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, ông T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã Vĩnh T, TXVC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Đua